

Name:

Grammar:

Class: S2...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....



Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2 - Grammar Revision & Movers Listening

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	teach (v) → taught	dạy → đã dạy	5	crocodile (n)	con cá sấu
2	swim (v) → swam	bơi → đã bơi	6	bat (n)	con dơi
3	come (v) → came	tới → đã tới	7	penguin (n)	con chim cánh cụt
4	naughty (adj)	hư, nghịch ngợm	8	parrot (n)	con vẹt

*Note: v = verb: động từ; n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐÒNG** vào vở ghi

B. EXTRA STRUCTURE

1. How many ?



How many maps are there?
(Có bao nhiêu bản đồ?)

→ **There is** one map.
(Có một cái bản đồ.)



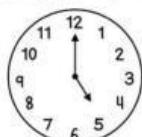
How many books are there?
(Có bao nhiêu sách?)

→ **There are** three books.
(Có ba quyển sách.)

2. Whose ...? and possessive 's

Whose key is it? (Đây là chìa khoá của ai?) → It's **Tom's** key. (Đây là chìa khoá của Tom.)

3. What time is it?



What time is it?
(Bây giờ là mấy giờ?)

→ It's five **o'clock**.
(Bây giờ là năm giờ.)

4. Direction



turn left
(rẽ trái)



go straight
(đi thẳng)



turn right
(rẽ phải)



Where's the toy shop?

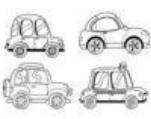
(Cửa hàng đồ chơi ở đâu?)

→ It's **between** the candy shop **and** the bookstore.

(Nó ở giữa cửa hàng kẹo ngọt và nhà sách.)

C. HOMEWORK

I. Look and answer the following questions (Nhìn và trả lời các câu hỏi sau đây)

	00. What time is it? → It's <u>twelve o'clock</u> .		3. What time is it? → It's _____.
	0. How many balls are there? → There is <u>1 / one ball</u> .		4. How many bikes are there? → There _____.
	1. What time is it? → It's _____.		5. What time is it? → It's _____.
	2. How many cars are there? → There _____.		6. How many trees are there? → There _____.

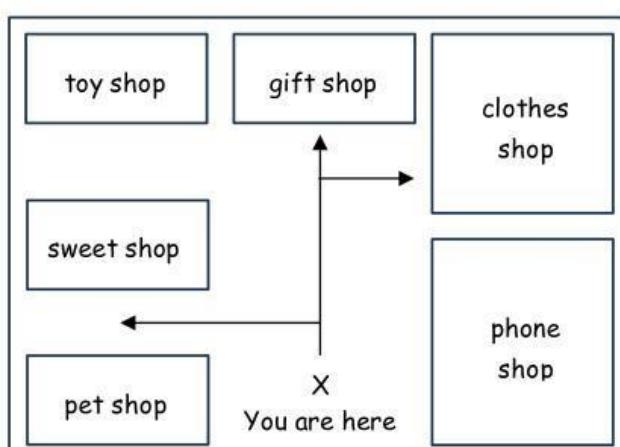
II. Complete the sentences using “Whose....?” structure with possessive ‘s

(Hoàn thành câu sử dụng câu trúc hỏi “Whose....?” và sở hữu cách ‘s)

0. Whose ball is it? (Tom) → It's Tom's ball.
 1. _____ kite is it? (Tim) → It's _____ kite.
 2. _____ dog is it? (dad) → It's _____ dog.
 3. _____ dress is it? (Rosy) → It's _____ dress.
 4. _____ doll is it? (Bella) → It's _____ doll.
 5. _____ book is it? (mum) → It's _____ book.

III. Complete the conversation with the given words (Hoàn thành đoạn hội thoại với từ vựng cho sẵn)

turn right between ~~go straight~~ turn left where's and



Tom: I want to go to the toy shop.

Suzy: (0) Go straight! The gift shop is between the toy shop (1) _____ the clothes shop.

Tom: And (2) _____ the sweet shop?

Suzy: (3) _____. The sweet shop is (4) _____ the toy shop and the pet shop.

Tom: And where's the clothes shop?

Suzy: Go straight. When you see the gift shop, (5) _____.

Các con nghe bài ở link này:

https://drive.google.com/file/d/1QcJmYIjI7EM95Eayk4BpLpN_9Z_Cg7or/view?usp=sharing

Part 3

– 5 questions –

Which animal does each person in Anna's family like?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



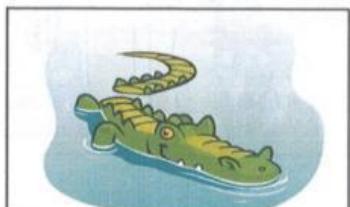
mum



uncle



dad



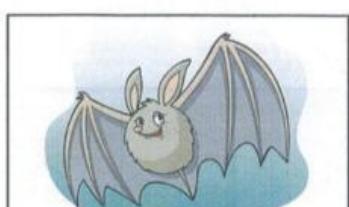
grandpa



sister



aunt



G

H